

Số: 40 /QĐ-PTNMT

TP. Tây Ninh, ngày 04 tháng 11 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ xác định giá đất để áp dụng tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Hẻm số 8 đường Nguyễn Chí Thanh, phường 3, thành phố Tây Ninh

### TRƯỞNG PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính: quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường

Căn cứ Nghị quyết số 59/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 01/4/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành bộ đơn giá sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về giá đất;

Căn cứ Quyết định số 1254/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định,





**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán kinh phí xác định giá đất cụ thể để áp dụng tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Hẻm số 8 đường Nguyễn Chí Thanh, phường 3, thành phố Tây Ninh.

Tên Dự án: Xác định giá đất để áp dụng tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Hẻm số 8 đường Nguyễn Chí Thanh, phường 3, thành phố Tây Ninh (gọi tắt là Dự án).

Tổng dự toán kinh phí: **36.646.000 đồng** (Số tiền bằng chữ: Ba mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Đã bao gồm thuế VAT và các chi phí liên quan.

Nguồn vốn: ngân sách nhà nước năm 2024 (Theo Quyết định số 1254/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh).

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

(có phụ lục kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố, Chuyên viên phụ trách kế toán, Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, PTNMT.



**Phạm Văn Hải**

11/11/2024





# KHÁI TOÁN CHI PHÍ XÁC ĐỊNH GIÁ ĐỐI VỚI ĐẤT Ở, ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Dự án: Hẻm số 8 đường Nguyễn Chí Thanh, phường 3, thành phố Tây Ninh



	Hệ số điều chỉnh	Chi phí lao động		Chi phí trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu		Chi phí chung		Chi phí thực tế
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	
<b>I Đất ở</b>								
1 Công tác chuẩn bị	0.58	1,416,039	-	34,327	-	217,554.80	-	1,667,920
Điều tra, tổng hợp, phân tích thông tin về thửa đất, giá đất thị trường	0.29	2,560,426	3,112,953	60,122	46,131	393,082.11	631,817	6,804,530
Áp dụng phương pháp định giá đất và xây dựng phương án giá đất	0.29	4,161,513	-	103,847	-	639,803.99	-	4,905,164
Hoàn thiện dự thảo phương án giá đất	0.58	2,010,070	-	32,794	-	306,429.59	-	2,349,293
In, sao, lưu trữ, phát hành phương án giá đất	0.58	522,425	-	8,309	-	79,610.19	-	610,345
<b>CHI PHÍ ĐẤT Ở</b>		<b>10,670,473</b>	<b>3,112,953</b>	<b>239,398</b>	<b>46,131</b>	<b>1,636,481</b>	<b>631,817</b>	<b>16,337,253</b>
<b>II Đất nông nghiệp</b>								
1 Công tác chuẩn bị	0.63	2,349,757	-	39,813	-	358,436	-	2,748,006
Điều tra, tổng hợp, phân tích thông tin về thửa đất, giá đất thị trường	0.31	2,540,909	2,831,790	63,414	46,153	390,648	575,589	6,448,503
Áp dụng phương pháp định giá đất và xây dựng phương án giá đất	0.31	3,780,499	-	101,474	-	582,296	-	4,464,269



4	Hoàn thiện dự thảo phương án giá đất	0.63	2,194,224	-	38,061	-	334,843	-	2,567,128	
5	In, sao, lưu trữ, phát hành phương án giá đất	0.63	570,269	-	9,682	-	86,993	-	666,944	
<b>CHI PHÍ ĐẤT NÔNG NGHIỆP</b>			11,435,658	2,831,790	252,445	46,153	1,753,215	575,589	16,894,849	
			<b>TỔNG</b>							33,232,102
			<b>THUẾ VAT (10%)</b>							3,323,210
			<b>TỔNG CỘNG</b>							36,555,312
			<b>TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)</b>							36,646,000

Ghi chú:

Khi tính cho thửa đất hoặc khu đất cụ thể thì căn cứ vào hệ số theo quy mô diện tích và khu vực quy định tại Bảng 01, 02 Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để điều chỉnh đối với các mục 1.2, mục 1.3 (đối với đất ở); mục 2.2, mục 2.3 (đối với đất nông nghiệp) ở bảng trên

\*Trường hợp xác định giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân đối với thửa đất có diện tích nhỏ dưới 0,1ha thì nhân với hệ số K=0,5 đối với các mục 1.2, mục 1.3 (đối với đất ở); mục 2.2, mục 2.3 (đối với đất phi nông nghiệp không phải đất ở); mục 3.2, mục 3.3 (đối với đất nông nghiệp) ở bảng trên

- Mức lương cơ sở để áp dụng: 2.340.000đồng